BỘ TÀI CHÍNH

BỘ TÀI CHÍNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2011/TT-BTC	*Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2011*

THÔNG TƯ

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 196/2004/NĐ-CP ngày 02/12/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Dự trữ quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 6 tháng kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 72/2008/QĐ-BTC ngày 03/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ quốc gia đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ.

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, nhập, xuất và bảo quản nhà bạt cứu sinh loại nhẹ dự trữ nhà nước có trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Chí

QCVN 03: 2011/BTC

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NHÀ BẠT CỨU SINH LOẠI NHẸ

National technical regulation on state reserve of light - type relief tents

Lời nói đầu

QCVN 03: 2011/BTC thay thế QCVN 3: 2008/BTC;

QCVN 03: 2011/BTC do Ban soạn thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ biên soạn, Tổng cục Dự trữ Nhà nước trình duyệt và được ban hành theo Thông tư số 04/2011/TT-BTC ngày 07 tháng 01 năm 2011 của Bộ Tài chính.

QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI NHÀ BẠT CỨU SINH LOẠI NHẸ

National technical regulation on state reserve of light - type relief tents

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định những yêu cầu kỹ thuật, vận chuyển, kiểm tra, giao nhận, bảo quản và công tác quản lý đối với nhà bạt cứu sinh loại nhẹ nhập kho dự trữ nhà nước sử dụng để sinh hoạt tạm trú, tránh mưa, nắng trong các tình huống cứu hộ cứu nạn.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến việc quản lý; giao nhận (mua, bán) và bảo quản nhà bạt cứu sinh loại nhẹ nhập kho dự trữ nhà nước.

1.3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Nhà bạt cứu sinh loại nhẹ là loại nhà bạt có khối lượng toàn bộ nhẹ (so với loại nhà bạt cứu sinh dự trữ nhà nước quy định tại QCVN 09: 2010/BTC Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về dự trữ nhà nước đối với nhà bạt cứu sinh ban hành kèm theo Thông tư số 17/2010/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2010 của Bộ Tài chính); cấu trúc lắp dựng tạm thời, cơ động. Nhà bạt không có vì kèo mái. Kết cấu chịu lực của nhà bạt bằng hệ thống các cột chống chính, xà, cột chống xung quanh, cọc ghim và dây néo. Nhà bạt có cửa đi đầu hồi; vách xung quanh có cửa sổ; mái nhà có cửa lấy ánh sáng; không có tấm trải sàn *(sau đây viết tắt là nhà bạt nhẹ)*.

1.3.2. Lô nhà bạt nhẹ là số lượng quy định nhà bạt nhẹ có cùng chủng loại, cùng các thông số kỹ thuật, được sản xuất từ cùng nguyên liệu, theo cùng một phương pháp, trong khoảng thời gian nhất định, được giao nhận cùng một lúc. Mỗi lô nhà bạt nhẹ giao nhận không lớn hơn 500 nhà bạt nhẹ.

2. Quy định kỹ thuật

2.1. Yêu cầu kỹ thuật đối với nhà bạt nhẹ

2.1.1. Yêu cầu về thiết kế

2.1.1.1. Kiểu dáng

Nhà bạt nhẹ có kiểu dáng hình hộp, bốn vách đứng, mái nhà thiết kế dễ dàng thoát nước, có độ dốc tối thiểu 30^0.

Nhà bạt nhẹ loại 60 m^2: Có 02 cửa đi đầu hồi nhà, 12 cửa sổ hai bên vách dọc nhà, 02 cửa lấy ánh sáng trên mái trước, sau nhà;

Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m^2: Có 01 cửa đi đầu hồi, 08 cửa sổ ở bốn vách nhà, 01 cửa lấy ánh sáng trên mái trước;

Nhà bạt nhẹ loại 16,5 m^2: Có 01 cửa đi đầu hồi, 08 cửa sổ ở bốn vách nhà, 01 cửa lấy ánh sáng trên mái trước.

Các thông số kỹ thuật của các loại nhà bạt nhẹ quy định tại Bảng 1.

Bảng 1: Thông số kỹ thuật của các loại nhà bạt nhẹ (kích thước tính bằng milimet)

STT	Các thông số kỹ thuật	Loại nhà bạt nhẹ			Sai số cho phép
		60 m^2	24,5 m^2	16,5 m^2	
1	Kích thước (dài x rộng)	9 760 x 6 150	4 950 x 4 950	4 070 x 4 070	± 50
2	Chiều cao đỉnh nóc	3 600	3 200	2 900	± 50
3	Chiều cao vách nhà	1 750	1750	1 700	± 50
4	Cửa đi (cao x rộng)	1 750 x 1 500	1 750x 1 400	1 700 x 1 200	± 50
5	Cửa sổ (cao x rộng)	500 x 500	500 x 500	500 x 500	± 10
6	Cửa lấy ánh sáng trên mái (dài x rộng)	400 x 500	400 x 300	400 x 300	± 10

2.1.1.2. Quy cách khung và phụ kiện

Quy cách khung và phụ kiện của các loại nhà bạt nhẹ được quy định tại Bảng 2.

Bảng 2: Quy cách khung và phụ kiện của nhà bạt nhẹ

TT	Quy cách kết cấu	Loại nhà bạt nhẹ						Ghi chú
		60 m^2		24,5 m^2		16,5 m^2		
		Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	
1	Cột chống chính (Thép ống)	3.690 (ϕ 76; δ 1,4)	02	3.265 (ϕ 38; δ 1,2)	01	2.965 (ϕ 38; δ 1,2)	01	
2	Xà ngang (Thép ống)	3.600 (*) (ϕ 76; δ 1,4)	01					

TT	Quy cách kết cấu	Loại nhà bạt nhẹ						Ghi chú
		60 m²		24,5 m²		16,5 m²		
		Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	Kích thước (mm)	Số lượng (chiếc)	
3	Cột chống xung quanh (Thép ống)	1750 (*) (ϕ 35; δ 1,0)	22	1750 (*) (ϕ 28; δ 1,0)	12	1700 (*) (ϕ 28; δ 1,0)	09	
4	Cọc ghim căng dây néo (thép góc đều cạnh)(**)	L 50x50x3x550	22	L 40x40x3x400	12	L 40x40x3x400	09	
5	Dây néo (Polyeste)	3500 (ϕ 10)	22	3500 (ϕ 10)	12	3500 (ϕ 10)	09	
6	Néo căng dây (Gỗ nhóm 4)	180x38x26	22	140x28x20	12	140x28x20	09	

Ghi chú: (*) Kích thước này không tính phần đinh mũ gia công.

(**) Có thể thay thế bằng thép ống tròn có độ bền và diện tích tiếp xúc với đất tương đương.

2.1.2. Yêu cầu vải may nhà bạt nhẹ

2.1.2.1. Yêu cầu ngoại quan

Lớp Polyvinylclorua (PVC) hoặc Polyurethane (PU) màu xanh cỏ úa phải phủ kín toàn bộ bề mặt cần phủ của vải may nhà bạt nhẹ. Vải may nhà bạt nhẹ phải mềm mại, màu sắc đồng nhất; mặt vải không được phép có các khuyết tật như phồng rộp, vết sọc, xước, nứt rạn, thủng lỗ hoặc tạp chất lạ. Màu sắc, độ bóng, mờ của bề mặt vải may nhà bạt nhẹ phù hợp với mẫu sản phẩm chuẩn đã được thỏa thuận giữa bên mua và bán.

2.1.2.2. Yêu cầu cơ lý

Vải may nhà bạt nhẹ có khả năng chống thấm nước tốt. Các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt nhẹ phù hợp với quy định tại Bảng 3.

Bảng 3: Chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt nhẹ

STT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Mức giới han, yêu cầu
1	Khối lượng, g/m²	350 ± 10

STT	Tên chỉ tiêu, đơn vị tính	Mức giới han, yêu cầu
2	Độ dày, mm, không nhỏ hơn	0,3
3	Độ bền kéo đứt, N/mm^2, không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	 95 47
4	Độ giãn dài khi kéo đứt, % - Dọc - Ngang	 20 ÷ 35 30 ÷ 45
5	Độ bền uốn gấp: dọc, ngang, bề mặt tráng phủ PVC hoặc PU không xuất hiện dạng phá hủy đầu tiên như vết rạn nứt, bong rộp…, số lần gấp, không nhỏ hơn	10 000
6	Độ bền kết dính	không tách được
7	Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép, N/mm, không nhỏ hơn - Dọc - Ngang	 250 250
8	Độ kháng thấm nước dưới áp suất 700 mm H_2O, min, không nhỏ hơn	60
9	Thử lão hóa ở nhiệt độ 70 ^{0}C trong thời gian 72 h	
9.1	Bề mặt vải	Không bị nứt rạn, phồng rộp sau khi lão hóa.
9.2	Độ bền kéo đứt sau lão hóa, N/mm^2 không nhỏ hơn: + Dọc + Ngang	 86 45
9.3	Độ bền kết dính sau lão hóa	không tách được
9.4	Độ kháng thấm nước sau lão hóa dưới áp suất 700 mm H_2O, min, không nhỏ hơn	60

2.1.2.3. Yêu cầu hóa lý

Vải nền bằng chất liệu Polyeste pha bông hoặc Polyeste 100% được tráng phủ bằng Polyvinylclorua (PVC) hoặc Polyurethane (PU) màu xanh cỏ úa. Hàm lượng Formaldehyt quy định theo Thông tư số 32/2009/TT-BCT ngày 5/11/2009 của Bộ Công thương áp dụng đối với nhóm sản phẩm dệt may không tiếp xúc trực tiếp với da.

2.1.3. Kỹ thuật may liên kết vỏ nhà bạt nhẹ

2.1.3.1. Tất cả tấm vải may ghép thành vỏ nhà bạt nhẹ cắt dọc theo cạnh vải và được phép can ở thân. Không có các mảnh can có chiều rộng nhỏ hơn 300 mm, vị trí các đường can trên thân phải đảm bảo mỹ thuật.

Phần vỏ được may ghép theo chiều dọc vải, các đường can chắp kích thước 15 mm, diễu đè 12 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 60 m^2; và đường can chắp kích thước từ 12 mm đến 13 mm, diễu đè 10 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m^2 và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m^2.

2.1.3.2. Tất cả các đường chỉ may phải thẳng đều; mật độ ba mũi chỉ/1 cm; đường may không bị bỏ mũi chỉ, không sùi chỉ, không hở mũi kim may. Tất cả các điểm bắt đầu và kết thúc đường may phải được may lại mũi ba lần chồng khít nhau dài từ 20 mm đến 30 mm, cắt sạch các đầu chỉ thừa.

2.1.3.3. Các đường may can chắp ráp nối giữa hai mặt phẳng liên tiếp của mái nhà; đường giao tuyến giữa mái và thân nhà phải thẳng; mặt phía trong có một tấm vải ốp, bản rộng 10 mm may đè mí hai bên 2 mm.

- Đối với nhà bạt nhẹ loại 60 m^2, các cạnh từ đỉnh nóc xuống bốn góc mái bên trong tấm vải ốp có dây tăng cường dọc theo suốt chiều dài, bằng loại sợi Polyeste dệt dạng ống và có đường kính 10 mm. Hai đầu dây trên và dưới liên kết với đầu cột chống chính và cột chống xung quanh khi lắp dựng.

- Đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m^2 và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m^2, các cạnh từ đỉnh nóc xuống bốn góc mái bên trong tấm vải ốp có dây tăng cường dọc suốt chiều dài bằng băng vải dệt có bản rộng 40 mm chất liệu sợi Polyeste. Hai đầu dây trên và dưới liên kết với đầu cột chống chính và cột chống xung quanh khi lắp dựng.

2.1.3.4. Lỗ xuyên đầu cột chống xung quanh có dạng hình tròn xung quanh được tán ô-rê bằng kim loại hoặc thùa bằng dây chỉ đay. Hai mặt ô-rê tiếp xúc với vải bạt phải có tấm lót tránh han gỉ, không gây rách vải bạt và chống thấm nước.

2.1.3.5. Cửa đi, cửa sổ, cửa lấy ánh sáng trên mái

- Cửa đi: Là hai tấm vải riêng biệt có kích thước như nhau, mỗi tấm vải được may liền với thân nhà bạt nhẹ phía bên trong theo chiều rộng cửa đi; cửa đi mở ra bằng cách kéo về hai phía. Cửa đi được đóng mở bằng dây khuyết và chốt nhựa.

Phía ngoài cửa, sát mép đường chân mái có một tấm vải chắn mưa, nắng kích thước rộng từ 200 mm đến 250 mm, chiều dài lớn hơn chiều rộng cửa mỗi bên 150 mm. Tấm chắn mưa, nắng được may liền với vỏ nhà bạt nhẹ bằng một đường may dọc theo đường chân mái nhà.

- Cửa sổ: Mép trên cửa sổ cách đường chân mái 200 mm. Các mép cửa sổ có nẹp viền bằng vải bạt bản rộng 40 mm, mỗi góc cửa sổ được may đè một ke tam giác 50 mm x 50 mm. Hai chấn song bằng dây Polyeste dẹt bản rộng 30 mm vuông góc với nhau. Cánh cửa sổ may gấp mép xung quanh 7 mm mở ra phía ngoài và cuộn lên phía trên, các góc và giữa hai cạnh dọc của cánh cửa gắn khuy cài bằng dây dù có đường kính 5 mm, ở các điểm tương ứng với khuy cài tại thân nhà gắn chốt nhựa để cài khi đóng nắp cửa sổ.

- Cửa lấy ánh sáng trên mái: Các mép ngoài xung quanh cửa có nẹp viền bằng vải bạt, bản rộng 40 mm. Tấm che cửa lấy ánh sáng bằng vải bạt, may gấp mép xung quanh có nẹp gỗ hoặc khung thép để đóng mở dễ dàng không bị tốc khi có gió mạnh; kích thước lớn hơn kích thước cửa sổ từ 50 mm đến 70 mm mỗi chiều. Tấm che cửa lấy ánh sáng mở ra phía ngoài và cuộn lên phía trên bằng dây dù kéo.

2.1.3.6. Phần thân nhà bạt nhẹ tại các vị trí có cột chống phải có dây buộc để liên kết chắc chắn giữa vỏ nhà bạt nhẹ và cột chống khi lắp dựng.

2.1.3.7. Phần thân nhà bạt nhẹ tiếp đất có tấm chân gấu bằng vải tráng phủ chống thấm hai mặt, chiều rộng 350 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 60 m^2, chiều rộng 250 mm đối với nhà bạt nhẹ loại 24,5 m^2 và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m^2; được may can chắp liền với thân nhà bạt nhẹ.

2.1.4. Khối lượng nhà bạt nhẹ

Khối lượng toàn bộ nhà bạt nhẹ loại 60 m^2: Không lớn hơn 165 kg.

Khối lượng toàn bộ nhà bạt nhẹ loại 24,5 m^2: Không lớn hơn 65 kg.

Khối lượng toàn bộ nhà bạt nhẹ loại 16,5 m^2: Không lớn hơn 55 kg.

2.1.5. Các yêu cầu khác

- Trong cùng chủng loại nhà bạt nhẹ, các chi tiết tách rời như cột chống, cọc ghim, dây néo phải đảm bảo khả năng lắp lẫn cao.

- Cột chống chính, cột chống xung quanh bằng thép ống tối thiểu mác thép CT 38, không han gỉ, thủng, méo bẹp, các mối hàn nhẵn phẳng, liên tục, các khớp nối bảo đảm khít chặt.

Chân đế có mặt bích phía dưới để tăng độ vững chắc, cố định khi sử dụng. Toàn bộ ống và các chi tiết kim loại được sơn tĩnh điện cùng màu với màu của vỏ nhà bạt nhẹ.

- Dây néo bằng Polyeste có đường kính tối thiểu 10 mm, cấu tạo dạng sợi cáp có màu cùng với màu của vỏ nhà bạt nhẹ, có độ bền màu cao. Dây néo không bị sờn, phải liền đoạn không có mối nối, có độ bền kéo đứt không được nhỏ hơn 10 N/mm^2.

- Cữ căng dây néo làm bằng gỗ nhóm 4, không có giác và được ngâm tẩm chống mối mọt; được sơn cùng màu với màu vỏ nhà bạt nhẹ.

- Cọc ghim bằng thép được làm sạch và sơn cùng màu với màu của vỏ nhà bạt nhẹ.

- Các phụ liệu may: Chỉ dùng may nhà bạt nhẹ là chỉ Polyeste Ne 30/3, các khuy cài cửa ra vào, cửa sổ bằng nhựa.

- Tất cả các đường chỉ may trên mái nhà bạt nhẹ phải đảm bảo không thấm nước mưa khi sử dụng. Cho phép dùng keo, băng keo chống thấm nhưng không được gây ảnh hưởng đến độ bền của vải bạt, chỉ may cũng như lớp tráng phủ trên bề mặt vải và đảm bảo mỹ quan.

- Điểm chống cột được gia cố bằng cách may thêm một tấm phủ bằng đúng loại vải may nhà bạt nhẹ, bảo đảm tránh không cho nước chảy theo dọc cột xuống.

2.2. Yêu cầu về nhà kho

- Nhà bạt nhẹ cần được cất trữ ở những kho thông thoáng; đảm bảo khô ráo, sạch sẽ; tránh các tác động trực tiếp của tia cực tím và ánh nắng mặt trời.

- Nhà kho phải có trần chống nóng, có trang bị quạt hút tự nhiên trên mái kho, quạt thông gió trong kho sử dụng được khi cần thiết.

- Nhà kho phải có hệ thống chống chuột, phòng trừ mối mọt; cách xa các nguồn dễ cháy nổ phải có phương tiện cứu hỏa, chống lụt bão theo quy định.

- Nền kho phẳng, cứng, chịu được tải trọng tối thiểu 3,0 tấn/m^2.

3. Phương pháp thử

3.1. Lấy mẫu

Mẫu được lấy ngẫu nhiên trong quá trình giao nhận và bảo quản để kiểm tra ngoại quan nhà bạt nhẹ tối thiểu là 5% của lô hàng. Trong số nhà bạt nhẹ lấy để kiểm tra ngoại quan lấy ngẫu nhiên 10% nhưng không ít hơn 1 chiếc để kiểm tra các nội dung sau:

- Kiểm tra lắp dựng nhà bạt nhẹ;

- Kiểm tra các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt nhẹ;

- Kiểm tra các chỉ tiêu hóa lý của vải may nhà bạt nhẹ.

Mẫu để xác định chất lượng của vải may nhà bạt nhẹ quy định trong Quy chuẩn này được lấy theo TCVN 1749: 86 Vải dệt thoi - Phương pháp lấy mẫu.

3.2. Phương pháp thử

3.2.1. Phương pháp thử các chỉ tiêu cơ lý

Các chỉ tiêu cơ lý của vải may nhà bạt nhẹ quy định tại điểm 2.1.2.2 của Quy chuẩn này được xác định theo các phương pháp sau:

- Độ bền kéo đứt, độ giãn dài khi kéo đứt (dọc, ngang) theo TCVN 4635: 88 Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền kéo đứt.

- Khối lượng của vải bạt theo TCVN 4636: 88 Vật liệu giả da - Phương pháp xác định khối lượng $1m^2$ và độ dày.

- Độ bền uốn gấp theo TCVN 4637: 88 Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền uốn gấp.

- Độ bền kết dính theo TCVN 4638: 88 Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền kết dính.

- Độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép theo TCVN 4639: 88 Vật liệu giả da - Phương pháp xác định độ bền xé rách khi chọc thủng bằng dây thép.

- Độ kháng thấm nước theo ISO 1420: 2001 Rubber or plastics-coated fabrics - Determination of resistance to penetration by water (Cao su hoặc vải tráng phủ nhựa - Phương pháp xác định độ kháng thấm nước).

3.2.2. Phương pháp thử các chỉ tiêu hóa lý

Các chỉ tiêu hóa lý của vải bạt quy định tại điểm 2.1.2.3 của Quy chuẩn này được xác định theo các phương pháp sau:

- Kiểm tra chất liệu vải nền:

+ Vải nền từ sợi Polyeste 100%: Theo 2 tiêu chuẩn nước ngoài: AATCC 20: 2007 American Association of Textile Chemists and Colorists (Phân tích xơ: Định tính) và ASTM D 276: 2008 Standard test methods for indentification of fibers in textiles (Phương pháp thử tiêu chuẩn để nhận biết xơ vật liệu dệt).

+ Vải nền từ sợi Polyeste pha bông:

. Theo 2 tiêu chuẩn nước ngoài: AATCC 20: 2007 American Association of Textile Chemists and Colorists (Phân tích xơ: Định tính) và ASTM D 276: 2008 Standard test methods for indentification of fibers in textiles (Phương pháp thử tiêu chuẩn để nhận biết xơ vật liệu dệt);

. TCVN 5465-11: 2009 (ISO 1833-11: 2006) Vật liệu dệt - Phân tích định lượng hóa học - Phần 11: Hỗn hợp xơ xenlulo và xơ polyeste (phương pháp sử dụng axít sunphuric).

- Kiểm tra hàm lượng Formaldehyt trên vải: Theo TCVN 7421-1: 2004 Vật liệu dệt - Xác định Formaldehyt- Phần 1 Formaldehyt tự do và thủy phân (phương pháp chiết trong H_2O).

Việc kiểm tra, thử nghiệm các chỉ tiêu cơ lý và hóa lý trên vải may nhà bạt nhẹ do một trong các Phòng thử nghiệm phù hợp được công nhận (VILAS) thực hiện và cấp Phiếu kết quả.

4. Thủ tục giao nhận và bảo quản nhà bạt nhẹ

4.1. Vận chuyển

Trước khi xếp hàng lên xe hoặc đưa hàng xuống kê xếp vào kho phải chuẩn bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ hướng dẫn cho người lao động, bảo đảm an toàn lao động, an toàn hàng hóa.

Nhà bạt nhẹ được vận chuyển trên các phương tiện có mui che mưa nắng. Trong khi vận chuyển phải chằng buộc cẩn thận, không được vận chuyển chung với các loại hóa chất và các chất dễ gây cháy nổ, bẩn gây ảnh hưởng đến chất lượng nhà bạt nhẹ.

4.2. Quy trình kiểm tra giao nhận nhập kho

4.2.1. Quy định chung

Vải may nhà bạt nhẹ có phiếu kiểm tra thử nghiệm đầy đủ các chỉ tiêu cơ lý như quy định tại điểm 2.1.2.2 và các chỉ tiêu hóa lý như quy định tại điểm 2.1.2.3. Dây néo có phiếu kiểm tra thử nghiệm chất liệu dây và độ bền kéo đứt. Các phiếu kết quả kiểm tra thử nghiệm do một trong các Phòng thử nghiệm phù hợp được công nhận (VILAS) cấp. Trong trường hợp có chỉ tiêu cần kiểm tra mà không có Phòng thử nghiệm được công nhận VILAS đáp ứng thì do một trong các Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng kiểm tra.

4.2.2. Kiểm tra hồ sơ

4.2.2.1. Đối với nhà bạt nhẹ sản xuất trong nước

Mỗi lô nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ nhà nước phải có đủ các tài liệu liên quan xác định về chất lượng. Các hồ sơ này phải là bản chính hợp pháp và bảo đảm tính thống nhất.

- Phiếu kiểm tra chất lượng của nhà sản xuất;

- Phiếu bảo hành chất lượng của nhà sản xuất, bao gồm: Các thông tin về thời hạn bảo hành, phạm vi bảo hành;

- Mỗi nhà bạt nhẹ kèm theo một bản kê chi tiết các phụ kiện kèm theo, để trong bao bì đựng vỏ nhà bạt nhẹ;

- Mỗi nhà bạt nhẹ kèm theo một tờ hướng dẫn các thao tác lắp dựng, sử dụng, vệ sinh và bảo quản sau sử dụng để trong bao bì đựng vỏ nhà bạt nhẹ đó.

4.2.2.2. Đối với nhà bạt nhẹ nhập khẩu

- Giấy xác nhận xuất xứ hàng hóa, xác định rõ nguồn gốc lô nhà bạt do phòng Thương mại và Công nghiệp nước sản xuất loại nhà bạt nhẹ đó cung cấp;

- Giấy chứng nhận chất lượng, biên bản thử điển hình lô nhà bạt nhẹ và biên bản thử xuất xưởng từng loại nhà bạt nhẹ của nhà sản xuất. Số lượng nhà bạt nhẹ được tiến hành thử xuất xưởng do thỏa thuận giữa bên mua và nhà cung cấp;

- Bản kê chi tiết các phụ kiện kèm theo từng nhà bạt nhẹ của nhà sản xuất;

- Phiếu bảo hành nhà bạt nhẹ bao gồm: Các thông tin về quyền lợi, phạm vi và địa chỉ của đơn vị được ủy quyền cung cấp dịch vụ bảo hành có ở trong nước;

- Tài liệu kỹ thuật về cấu tạo, tài liệu hướng dẫn sử dụng và bảo dưỡng kèm theo từng nhà bạt nhẹ. Ngoài tài liệu của nhà sản xuất, đơn vị bán hàng có trách nhiệm cung cấp thêm một bản dịch tiếng Việt.

4.2.3. Kiểm tra nhà bạt nhẹ khi giao nhận

Khi giao nhận nhà bạt nhẹ, kích thước và khối lượng nhà bạt nhẹ được kiểm tra bằng các dụng cụ đo lường thông thường; vỏ may nhà bạt nhẹ, các cột chống, dây néo, cữ căng dây, cọc ghim, phụ kiện…được kiểm tra ngoại quan bằng mắt thường.

4.2.3.1. Kiểm tra số lượng

Số lượng nhà bạt nhẹ trong mỗi lô hàng phải phù hợp với số lượng nhà bạt nhẹ ghi trong biên bản kiểm tra. Tổng số nhà bạt nhẹ giao nhận đúng với số lượng trong hợp đồng đã ký.

4.2.3.2. Kiểm tra ngoại quan

Số nhà bạt nhẹ được kiểm tra ngoại quan trong quá trình giao nhận tối thiểu là 5%. Nội dung kiểm tra gồm:

4.2.3.2.1. Kiểm tra nhãn nhà bạt nhẹ

Nhãn nhà bạt nhẹ phải được ghi một cách rõ ràng, bền vững trên bao bì.

4.2.3.2.1.1. Nhãn của nhà bạt nhẹ sản xuất trong nước tối thiểu phải bao gồm

- Tên sản phẩm;

- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;

- Loại nhà bạt nhẹ... m^2;

- Ngày, tháng, năm sản xuất.

- Số seri (nếu có).

4.2.3.2.1.2. Nhãn của nhà bạt nhẹ nhập khẩu tối thiểu phải bao gồm

- Tên sản phẩm và xuất xứ hàng hóa;

- Tên, địa chỉ của nhà nhập khẩu và phân phối;

- Loại nhà bạt nhẹ…m^2;

- Ngày, tháng, năm sản xuất.

- Số seri (nếu có).

4.2.3.2.2. Kiểm tra vỏ nhà bạt nhẹ

- Vải may vỏ nhà bạt nhẹ không có khuyết tật, kỹ thuật may theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này;

- Khi kiểm tra phần vỏ nhà bạt nhẹ, nếu phát hiện có ít nhất một vỏ nhà bạt nhẹ sai quy định, nhà cung cấp có trách nhiệm thay thế vỏ nhà bạt nhẹ khác đảm bảo chất lượng. Đồng thời, tiến hành kiểm tra thêm 5 % số vỏ nhà bạt nhẹ tiếp theo. Nếu sau hai lần liên tiếp kiểm tra thêm đều có ít nhất một vỏ nhà bạt nhẹ sai quy định; đơn vị nhập hàng lập biên bản, yêu cầu nhà cung cấp kiểm tra lại 100 % số lượng vỏ nhà bạt nhẹ đến khi xác định chất lượng đạt yêu cầu sẽ báo đơn vị nhập hàng để nghiệm thu.

4.2.3.2.3. Kiểm tra các cột chống chính, cột chống xung quanh, cọc ghim, dây néo và các phụ kiện khác bảo đảm yêu cầu về chất lượng theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

4.2.3.2.4. Kiểm tra bao gói

Nhà bạt nhẹ được đóng thành kiện trong các bao bì.

- Nhà bạt nhẹ loại 60 m^2 đóng thành bốn kiện: Một kiện vỏ nhà bạt nhẹ, một kiện đựng xà ngang, cột chống chính; một kiện đựng cột chống xung quanh và một kiện đựng cọc ghim và các phụ kiện.

- Nhà bạt nhẹ loại 24,5 m^2 và nhà bạt nhẹ loại 16,5 m^2 được đóng thành hai kiện: Một kiện đựng vỏ nhà bạt nhẹ; một kiện đựng cột chống, cọc ghim và các phụ kiện.

Bao bì làm bằng vải bạt loại dày và có độ bền tốt.

4.2.3.3. Kiểm tra lắp dựng

Trong số nhà bạt nhẹ lấy ra kiểm tra ngoại quan lấy bất kỳ 10 %, nhưng không ít hơn 01 nhà bạt nhẹ, tiến hành lắp dựng kiểm tra các nội dung sau:

- Các kích thước hình học: Chiều cao đỉnh nóc, chiều cao vách, kích thước cửa đi, cửa sổ, cửa lấy ánh sáng phải đảm bảo đúng theo quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này;

- Kiểm tra số lượng các chi tiết được may gắn kèm với vỏ nhà bạt nhẹ, bao gồm: Mũ chụp chống dột đầu cột chống, cửa đi, cửa sổ và cửa lấy ánh sáng.

Toàn bộ nhà bạt nhẹ sau khi lắp dựng hoàn chỉnh kích thước từ đỉnh nóc xuống các góc mái phải bằng nhau, bốn mặt mái và cạnh nhà phải căng phẳng, bảo đảm độ vững chắc, ổn định; màu sắc vỏ nhà bạt nhẹ phải đồng đều.

4.2.3.4. Kiểm tra các chỉ tiêu vải may nhà bạt nhẹ

Trong 5 % nhà bạt nhẹ được lấy để kiểm tra ngoại quan lấy ngẫu nhiên 10 % số nhà bạt nhẹ để tách lấy mẫu vải bạt đưa đi kiểm tra các chỉ tiêu cơ lý và các chỉ tiêu hóa lý (tối thiểu là 01 mẫu).

4.3. Bảo quản

4.3.1. Sắp đặt, kê xếp nhà bạt nhẹ trong kho

4.3.1.1. Yêu cầu sắp đặt

Giá để kiện vỏ nhà bạt nhẹ được sắp đặt theo mặt bằng của nhà kho, song phải đảm bảo nguyên tắc cách tường, cách cột tối thiểu 0,5 m. Giữa hai hàng giá cách nhau tối thiểu 1,5 m, chân giá cao tối thiểu 0,3 m, các ngăn giá được lót ván phẳng. Giá kê hàng phải đảm bảo trơn nhẵn, không có cạnh sắc gây xước, rách vải bạt.

4.3.1.2. Yêu cầu kê xếp

4.3.1.2.1.Vỏ nhà bạt nhẹ

- Kiện vỏ nhà bạt nhẹ loại 60 m^2 không xếp cao hơn 02 lớp;

- Kiện vỏ nhà bạt nhẹ loại 24,5 m^2 và kiện vỏ nhà bạt nhẹ loại 16,5 m^2 không xếp cao hơn 03 lớp.

Khi xếp phải tạo các khe thoáng giữa các kiện vỏ nhà bạt, không để sát các kiện hàng vào khung giá bằng thép.

4.3.1.2.2. Cột nhà bạt nhẹ và các phụ kiện

Cột và các phụ kiện nhà bạt nhẹ được xếp thành từng lô trên giá cao tối thiểu 0,4 m, các lô hàng cách tường tối thiểu 0,5 m, giữa các lô cách nhau tối thiểu 1,5 m.

4.3.2. Thẻ lô hàng

Mỗi lô hàng trong kho có đính 1 thẻ ghi nội dung sau:

- Ký hiệu sản phẩm;
- Quy cách;
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất;
- Ngày, tháng, năm sản xuất;
- Số lượng;
- Ngày, tháng, năm nhập kho.

4.3.3. Công tác bảo quản định kỳ

Hàng ngày phải kiểm tra về số lượng, chất lượng để kịp thời phát hiện và xử lý các vấn đề: Kho dột, chuột, mối mọt gây ra.

Hai tuần một lần làm vệ sinh sạch bụi bẩn, mạng nhện xung quanh khu vực giá kê hàng, mặt ngoài chồng kiện vỏ nhà bạt nhẹ, lô kiện cột nhà bạt nhẹ và các phụ kiện.

Ba tháng một lần đảo các kiện vỏ nhà bạt nhẹ trên xuống dưới, mặt dưới lên trên. Đảo hàng giá trên xuống, dưới lên.

Sáu tháng một lần toàn bộ dây néo được đem ra hong tại nơi thoáng mát bên ngoài kho. Giở toàn bộ các kiện vỏ nhà bạt nhẹ ra phơi nắng khoảng hai giờ (phơi mặt vải nền ra nắng) dùng giẻ mềm hoặc máy hút bụi làm khô, sạch bụi toàn bộ cả hai mặt vải. Sau khi hoàn tất, vỏ nhà bạt nhẹ được gập để đường gập không trùng với các đường gập cũ, mặt vải nền quay ra ngoài.

Sáu tháng một lần kiểm tra cột chống chính, xà, cột chống xung quanh, cọc ghim lau sạch các bụi bẩn, tẩy sạch gỉ các chỗ han gỉ rồi, sơn lại như cũ. Các khớp nối được tra dầu mỡ chống gỉ.

4.4. Xuất hàng

4.4.1. Khi có lệnh xuất hàng, thủ kho phải chuẩn bị đủ sổ sách, giấy tờ có liên quan và nhân lực bốc xếp.

4.4.2. Kiểm tra chất lượng, số lượng hàng dự kiến xuất theo đúng chủng loại.

4.4.3. Xuất hàng theo nguyên tắc: Hàng nhập trước xuất trước, hàng nhập sau xuất sau, xuất gọn từng lô hàng.

4.4.4. Khi xuất hàng xong phải hoàn chỉnh các thủ tục, chứng từ giao nhận theo đúng quy định.

4.5. Chế độ ghi chép sổ sách theo dõi hàng hóa

4.5.1. Lập thẻ kho

Mỗi loại nhà bạt nhẹ được lập một thẻ kho, trong đó ghi đầy đủ các nội dung theo mẫu số S 21 - H ban hành kèm theo Thông tư số 213/2009/TT-BTC ngày 10/11/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng cho Dự trữ nhà nước.

Thẻ kho được để trong hộp tài liệu, trong kho hàng. Nếu có nhiều kiểu loại sản phẩm thì cần lập thêm thẻ kho phụ treo tại lô hàng với nội dung như thẻ kho chính, chỉ khác về số lượng hàng hóa.

4.5.2. Sổ bảo quản

Dùng ghi chép hàng ngày hoặc đột xuất về tình hình công tác bảo quản, kiểm tra hàng hóa, diễn biến về số lượng, chất lượng. Sổ phải đóng dấu giáp lai, ghi đủ các nội dung theo mẫu, có đủ các thành phần ký tên và đóng dấu đơn vị.

5. Quy định về quản lý

5.1. Nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ nhà nước phải có chất lượng phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này.

5.2. Thời gian từ khi sản xuất nhà bạt nhẹ đến khi nhập kho dự trữ nhà nước không lớn hơn 9 tháng (kể cả thời gian vận chuyển).

5.3. Thời gian lưu kho: Trong điều kiện nhiệt độ và độ ẩm không khí bình thường (nhiệt độ không lớn hơn 35 ^{o}C, độ ẩm không khí không lớn hơn 85 %) thời gian bảo quản nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ nhà nước không lớn hơn 4 năm.

6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

6.1. Các tổ chức, cá nhân cung cấp nhà bạt nhẹ cho dự trữ nhà nước có trách nhiệm cung cấp sản phẩm có chất lượng phù hợp với quy định tại mục 2 của Quy chuẩn này và thực hiện theo các quy định sau:

- Nhà bạt nhẹ nhập kho dự trữ nhà nước yêu cầu bảo hành 24 tháng cho toàn bộ sản phẩm tính từ thời điểm giao nhận.

- Trong 24 tháng đầu bảo quản trong điều kiện tuân thủ các quy định về vận chuyển, các chỉ dẫn khác có liên quan của nhà sản xuất và được bảo quản theo điều kiện quy định. Trước thời gian hết hạn bảo hành lấy ngẫu nhiên 1 % vỏ nhà bạt nhẹ nhưng không ít hơn một chiếc trong lô hàng (mỗi vỏ nhà bạt nhẹ lấy ít nhất 1 m^2 ở cửa đi của nhà bạt nhẹ) để thử các chỉ tiêu cơ lý theo quy định ở Bảng 3; nếu các chỉ tiêu cơ lý lớn hơn hoặc bằng 85 % so với ban đầu là đạt yêu cầu, nếu không đạt yêu

cầu thì tổ chức, cá nhân cung cấp nhà bạt nhẹ có trách nhiệm thay thế vỏ nhà bạt nhẹ mới đảm bảo chất lượng.

6.2. Cục Dự trữ Nhà nước khu vực có trách nhiệm chỉ đạo Chi cục Dự trữ Nhà nước trực thuộc giao nhận và bảo quản nhà bạt nhẹ theo đúng quy định tại mục 4 của Quy chuẩn này.

7. Tổ chức thực hiện

7.1. Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

7.2. Trong trường hợp các văn bản pháp luật, Tiêu chuẩn, hướng dẫn kỹ thuật được viện dẫn trong Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.